

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 726/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 434/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 397/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Phương A (vắng mặt)

Địa chỉ: A ấp T, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá T (vắng mặt)

Địa chỉ: A ấp T, xã T, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Phạm Thị Phương A trình bày:

Bà A và ông Nguyễn Bá T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới, và có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2007 tại UBND xã L, Thị xã T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2019, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn với nhau nhưng không thành, và ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân mặc dù vợ chồng sống chung nhà nhưng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay Bà A nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên Bà A yêu cầu ly hôn

với ông Nguyễn Bá T.

Về con chung: Bà A và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Anh K (sinh ngày 29/10/2005), Nguyễn Phạm Quỳnh A1 (sinh ngày 17/01/2008). Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai bé Anh K và Quỳnh A1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Bá T vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Phương A .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn tại thời điểm thụ lý vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyển số 01 do UBND xã L, Thị xã T, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 22/03/2007 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà A và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của Bà A: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T không cung cấp lời khai, không giao nộp chứng cứ, không đưa ra ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của Bà A để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của Bà A thì mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2020, mâu thuẫn giữa Bà A với ông T trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông T vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về sống chung với nhau. Hiện nay, Bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của Bà A và ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ

Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho Bà A được ly hôn với ông T.

[6] Về con chung: Bà A và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Anh K (sinh ngày 29/10/2005), Nguyễn Phạm Quỳnh A1 (sinh ngày 17/01/2008). Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu được nuôi hai con chung của Bà A phù hợp với nguyện vọng của các con cũng như phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở được chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T vắng mặt, không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, Bà A chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Phương A được ly hôn với ông Nguyễn Bá T.

2. Về con chung: Bà A và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Anh K (sinh ngày 29/10/2005), Nguyễn Phạm Quỳnh A1 (sinh ngày 17/01/2008).

Giao con chung tên Nguyễn Phạm Anh K, Nguyễn Phạm Quỳnh A1 cho bà Phạm Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Bá T cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà A phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà Bà A đã nộp theo biên lai số AA/2021/0039580 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã L, Thị xã T, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam